

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 7 - 2025
V/v ly hôn và tranh chấp về con
chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đức Cảnh.

Ông Doãn Văn Sáng

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Hải Phòng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Thế Duyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 228/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2025/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Bích N, sinh năm 1986; nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường H, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- **Bị đơn:** Anh Đỗ Xuân Bằng, sinh năm 1985; nơi cư trú: Tổ dân phố 02 (K), phường T, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, chị Trần Thị Bích N, vắng mặt tại phiên tòa, song tại đơn khởi kiện và Bản tự khai cùng các lời khai tại Tòa án, chị Trần Thị Bích N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Xuân Bằng ký kết hôn vào ngày 26 tháng 3 năm 2013 tại UBND phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn chị N và anh B về sinh sống tại ngôi nhà của bố mẹ chị N tại tổ dân phố T, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng (nay là tổ dân phố T, phường H, thành phố Hải Phòng). Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc, sau đó từ khoảng năm 2017 đến nay luôn xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan niệm sống, cách nhìn nhận mọi vấn đề không phù hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã, to tiếng, thậm chí có lúc xảy ra xô xát. Hai bên đã nhiều lần cố gắng, hai gia đình cũng nhiều lần can thiệp hòa giải nhưng vợ chồng vẫn

không kiềm chế được cảm xúc khi chung sống, con cái thường xuyên phải chứng kiến cảnh bố mẹ xúc phạm nhau. Trong khoảng 3 năm gần đây do mâu thuẫn kéo dài nên năm nào cũng viết đơn ly hôn yêu cầu tòa giải quyết tuy nhiên lần nào anh Đỗ Xuân Bcũng gây khó khăn, cản trở làm ảnh hưởng đến cuộc sống chung của mẹ con chị do mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân nhau. Nay để giải phóng cho nhau chị N đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn anh Đỗ Xuân Bđể chị cùng các con ổn định cuộc sống.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh Bsinh được 02 con chung tên Đỗ Thảo L, sinh ngày 01/01/2015; Đỗ N Anh, sinh ngày 18/9/2017. Quá trình chung sống do đặc điểm nghề nghiệp, anh Blàm thuyền viên (tàu biển) thường xuyên vắng mặt nhà nửa năm, đến hàng năm mới về nhà, hai con kể từ khi sinh ra đều do chị N nuôi dưỡng, chăm sóc. Khi ly hôn 02 con chung là con gái đang ở độ tuổi dạy thì cần có sự chỉ bảo, chăm sóc của mẹ nên chị N có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung để chị và anh Btự thỏa thuận giải quyết với nhau không yêu cầu Tòa án.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị N trình bày vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đỗ Xuân Bằng, vắng mặt tại phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, anh Đỗ Xuân Btrình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất với lời trình bày của chị N về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, cuộc sống chung vợ chồng hoà thuận hạnh phúc, anh Bthương yêu vợ con cũng không nghiện ngập, rượu chè, cờ bạc, chịu khó làm ăn, không đánh chửi vợ con. Trong thời gian gần đây chị N có mối quan hệ với người đàn ông khác, lạnh nhạt với chồng con, đi sớm về khuya. Mặc dù anh đã khuyên bảo vì thương con anh Bbỏ qua tất cả muốn giữ cho con có tình thương của bố mẹ, không muốn cho con bị tổn thương nhưng chị N quyết tâm ly hôn, anh Bthương con nên không đồng ý ly hôn mong muốn Tòa án xem xét giúp đỡ để cho các con có cả bố mà mẹ mong muốn vợ chồng cho nhau cơ hội để có thời gian suy nghĩ về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung. Nhưng nếu chị N cố tình đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn là do chị N tự quyết định, anh Bkhông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh B trình bày, vợ chồng có 02 con chung Đỗ Thảo L, sinh ngày 01/01/2015; Đỗ N Anh, sinh ngày 18/9/2017, kể từ thời gian gần đây ly thân 02 con chung hiện nay đang ăn ở cùng anh Btại tổ dân phố 02 (K), phường T, thành phố Hải Phòng. Anh Bkhông đồng ý ly hôn nhưng nếu phải ly hôn theo yêu cầu của chị N thì nguyện vọng của anh Blà mỗi người nuôi 01 con chung (con lớn, con bé) anh Bđều đồng ý cụ thể anh Bcó nguyện vọng được nuôi con chung tên Đỗ Thảo L.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung anh Đỗ Xuân Bvà chị Trần Thị Bích N tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Đỗ Xuân Btrình bày khi đi làm tiền bạc, kinh tế bao năm nay đều đưa cho chị N, chị N đều nói đã ăn tiêu hết. Nay quan điểm của anh

Về tài sản để vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tham gia phiên tòa sơ thẩm hôm nay. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán, đã thực hiện đúng và đầy đủ quy định về ra Thông báo thụ lý vụ án, bảo đảm về thời hạn chuẩn bị xét xử, việc lập hồ sơ vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, việc giao nộp và yêu cầu đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ, xác minh, cấp tổng đạt và tổ chức phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã đảm bảo tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Trần Thị Bích N và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Bích N được ly hôn anh Đỗ Xuân Bằng.

Về con chung: Giao con chung Đỗ Thảo L, sinh ngày 01/01/2015; Đỗ N Anh, sinh ngày 18/9/2017, cho chị Trần Thị Bích N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi từng con chung thành niên và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Thị Bích N và anh Đỗ Xuân Bằng thống nhất để hai bên tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Kiểm sát viên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung

Chị Trần Thị Bích N trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Đỗ Xuân Bằng trình bày về tài sản chung để hai bên tự thỏa thuận giải quyết không yêu cầu Tòa án. Do vậy Kiểm sát viên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị Bích N phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết

Chị Trần Thị Bích N có đơn xin ly hôn với anh Đỗ Xuân Bằng. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Đỗ Xuân Bằng đang cư trú tại tổ dân phố 2 (K), phường T, thành phố Hải Phòng. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều

39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự

Nguyên đơn chị Trần Thị Bích N vắng mặt tại phiên tòa, song có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Đỗ Xuân B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ song vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Căn cứ khoản 2 Điều 227, 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân

Xét, quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Bích N và anh Đỗ Xuân B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng (nay là phường H, thành phố Hải Phòng) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 63/2013, quyển số 01, ngày 26 tháng 3 năm 2013 là hôn nhân hợp pháp. Qua lời khai của đương sự và tài liệu xác minh thể hiện: Chị N và anh B trong quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn bất đồng quan điểm, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hoà hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong làm ăn kinh tế, vợ chồng không tin tưởng nhau, nghi ngờ nhau về lòng chung thủy trong hôn nhân. Mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài nhiều năm nay thời gian gần đây đã căng thẳng và đã sống ly thân mỗi người một nơi. Chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B, bị đơn anh B không đồng ý ly hôn vì mong muốn vợ chồng cho nhau cơ hội để có thời gian suy nghĩ về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung. Nhưng nếu chị N cố tình đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn là do chị N tự quyết định. Hội đồng xét xử, xét giữa vợ và chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ cùng nhau chia sẻ khó khăn cũng như thuận lợi trong cuộc sống và tin tưởng nhau để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy các con tuy nhiên, thực tế do mâu thuẫn nên chị N và anh B trong cuộc sống hôn nhân lại không có niềm tin với nhau điều đó thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Trần Thị Bích N và anh Đỗ Xuân B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Bích N, cho chị Trần Thị Bích N được ly hôn anh Đỗ Xuân B.

[4] Về con chung

Chị Trần Thị Bích N và anh Đỗ Xuân B trong quá trình chung sống có sinh được 02 con chung được đăng ký khai sinh hợp pháp tên: Đỗ Thảo L, sinh ngày 01/01/2015; Đỗ N Anh, sinh ngày 18/9/2017. Hiện nay cả hai con chung đang sống cùng chị N khi ly hôn chị N đề nghị được tiếp tục nuôi cả hai con chung. Bị đơn, anh Đỗ Xuân B không đồng ý ly hôn nhưng nếu chị N quyết tâm ly hôn nguyện vọng của anh B là được nuôi con chung tên Đỗ Thảo L. Hội đồng xét xử, xét: Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, chị N và anh B đều có nguyện vọng được nuôi con chung, tuy nhiên giao con chung cho bố hoặc mẹ nuôi dưỡng, chăm sóc cần xem xét mọi mặt để đảm bảo cho con chung được học tập, phát triển khoẻ mạnh. Xét, điều kiện nuôi con chung của chị N và anh

Blà như nhau, tuy nhiên do tính chất công việc của anh B nghề nghiệp tàu biển (thuyền viên) thường xuyên vắng mặt tại nhà, hai con chung là con gái đang ở độ tuổi dạy thì cần đến sự chăm sóc, chỉ bảo của mẹ. Mặt khác hai con chung trên 7 tuổi đều có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng mẹ. Do vậy, để ổn định đời sống của con chung, để đảm bảo nghĩa vụ, quyền lợi của cha mẹ đối với con cái, Hội đồng xét xử quyết định giao cả hai con chung cho chị Trần Thị Bích N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Thị Bích N và anh Đỗ Xuân B thống nhất thỏa thuận để hai bên tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Kiểm sát viên không đề cập giải quyết.

[5] Về tài sản chung

Chị Trần Thị Bích N trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Đỗ Xuân B trình bày về tài sản chung để hai bên tự thỏa thuận giải quyết không yêu cầu Tòa án. Do vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, chị Trần Thị Bích N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35, Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227, 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Bích N:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Bích N ly hôn với anh Đỗ Xuân Bằng.

2. Về con chung: Giao con chung Đỗ Thảo L, sinh ngày 01/01/2015; Đỗ N Anh, sinh ngày 18/9/2017, cho chị Trần Thị Bích N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi từng con chung thành niên và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung được quyền thăm, nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Thị Bích N và anh Đỗ Xuân B thống nhất để hai bên tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Kiểm sát viên không đề cập giải quyết.

3. Về tài sản chung

Chị Trần Thị Bích N trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Anh Đỗ Xuân B trình bày về tài sản chung để hai bên tự thỏa thuận giải quyết không yêu cầu Toà án. Do vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Bích N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng, tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010788, ngày 05/6/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng (nay thành Phòng thi hành án Dân sự Khu vực 1 – Hải Phòng). Chị Trần Thị Bích N đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn chị Trần Thị Bích N và bị đơn anh Đỗ Xuân B vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND Khu vực 1 – Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- UBND phường H, TP. Hải Phòng;
- UBND phường T, TP. Hải Phòng;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Đức Cảnh Nguyễn Thị Lương

Đinh Thị Mến

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 30 tháng 9 năm 2024

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lương.
2. Ông Hoàng Đức Cảnh.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 250/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Vũ Thị Huệ; nơi cư trú: Thôn Bắc Phong, xã Kiến Thiết, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

- *Bị đơn*: Anh Đỗ Trọng Thanh; nơi cư trú: Tổ dân phố Quyết Hùng, thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH
CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

- Về điều luật áp dụng: Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35, Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Kết quả biểu quyết: Đồng ý 3/3

- Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Cho chị Vũ Thị Huệ được ly hôn với anh Đỗ Trọng Thanh.

Kết quả biểu quyết: Đồng ý 3/3.

[2] Về con chung:

Giao cho chị Vũ Thị Huệ trực tiếp nuôi dưỡng các con chung tên Đỗ Nhật Minh, sinh ngày 08 tháng 11 năm 2013 và Đỗ N L, sinh ngày 02 tháng 01 năm 2018 đến khi các con chung thành niên và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình

không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Kết quả biểu quyết: Đồng ý 3/3.

[3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Kết quả biểu quyết: Đồng ý 3/3.

[4] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Kết quả biểu quyết: Đồng ý 3/3.

[5] Về án phí

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 - 12 - 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Chị Vũ Thị Huệ phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp (ghi tại biên lai thu số 0010048 ngày 08/8/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên), chị Vũ Thị Huệ đã nộp đủ án phí.

Kết quả biểu quyết: Đồng ý 3/3.

[6] Về quyền kháng cáo

Chị Vũ Thị Huệ, anh Đỗ Trọng Thanh có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kết quả biểu quyết: Đồng ý 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Đức Cảnh Nguyễn Thị Lương

Đinh Thị Mến

BIÊN BẢN THẢO LUẬN

Vào hồi giờ phút, ngày 23 tháng 9 năm 2024

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Mến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Đức Cảnh

2. Bà Nguyễn Thị Lương

Tiến hành thảo luận về sự vắng mặt của đương sự trong vụ án dân sự thụ lý số 250/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Vũ Thị Huệ; nơi cư trú: Thôn Bắc Phong, xã Kiến Thiết, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

- *Bị đơn*: Anh Đỗ Trọng Thanh; nơi cư trú: Tổ dân phố Quyết Hùng, thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT

QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

- Về điều luật áp dụng: Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Kết quả biểu quyết: Đồng ý 3/3.

- Về nội dung: Hoãn phiên tòa dân sự sơ thẩm nêu trên.

Thời gian mở lại phiên tòa được ấn định như sau: Phiên tòa dân sự sẽ được mở vào hồi giờ phút ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên thành phố Hải Phòng.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Thảo luận kết thúc vào hồi giờ phút, cùng ngày

Biên bản thảo luận đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Đức Cảnh Nguyễn Thị Lương

Đinh Thị Mến

